

Kh. a h c :	L p h c : 36CXD5	N l m h c : 2012-2013	n VHT : 2 (30,0,0,0,0,0)
H n T :	H c ph n : 122067100710 - Quy ho h t t n h	H c k 8 : HK02	

STT	Mã S	L P SV	H Vê TậN	NGÀY SINH	η IqM THê NH PHêN						TBC	QUY TS: 30.00%	η IqM THI	QUY TS : 70.00%	η IqM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3671031597	36CXD5	Nguy n Ng c B o	10/03/1993				3.5			3.5	1.1	0.5	0.4	1.4	
2	3671031054	36CXD5	Nguy n Qu c Bìn	01/12/1994				5.0			5.0	1.5	7.5	5.3	6.8	
3	3671031017	36CXD5	Nguy n Vinh Chán	24/11/1987				3.0			3.0	0.9	6.0	4.2	5.1	
4	3671030984	36CXD5	Nguy n Vln Dí p	20/07/1994				6.0			6.0	1.8	7.5	5.3	7.1	
5	3671031038	36CXD5	Nguy n Vln Dung	28/08/1993				3.5			3.5	1.1	6.5	4.6	5.6	
6	3671031032	36CXD5	Nguy n Trê ng Dê	23/11/1994				5.5			5.5	1.7	5.5	3.9	5.5	
7	3671031015	36CXD5	Bá Sô ệ Ỗ	18/09/1994				5.5			5.5	1.7	9.0	6.3	8.0	
8	3671030928	36CXD5	ệ inh Vln ệ c	05/05/1992				4.5			4.5	1.4	6.0	4.2	5.6	
9	3671030991	36CXD5	Ng Vln HiJu	24/10/1994				2.0			2.0	0.6	1.0	0.7	1.3	
10	3671031012	36CXD5	Tiêu Trung HiJu	21/03/1994				10.0			10.0	3.0	7.5	5.3	8.3	
11	3671030904	36CXD5	Bùi Tá Tân Hoàng	16/10/1994				6.5			6.5	2.0	9.0	6.3	8.3	
12	3671031076	36CXD5	L° Ng c Huy	28/09/1994				1.0			1.0	0.3	4.0	2.8	3.1	
13	3671030909	36CXD5	Trệh Quang Huy	20/08/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
14	3671031016	36CXD5	V» Qu c Huy	16/09/1994				10.0			10.0	3.0	8.0	5.6	8.6	
15	3671031037	36CXD5	ThiQu Vln Hê ng	19/08/1991				3.0			3.0	0.9	6.0	4.2	5.1	N HP
16	3671031041	36CXD5	Phệm Anh Kí t	10/02/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
17	3671031025	36CXD5	Ti Tr` ng Khang	27/03/1994				7.0			7.0	2.1	8.0	5.6	7.7	
18	3671031858	36CXD5	Nguy n Hậ ệ ng Khoa	28/05/1994				6.5			6.5	2.0	7.5	5.3	7.2	
19	3671031479	36CXD5	Phệm Vln Kh í	18/01/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT

Kh. a h̃ c : **L̃ p h̃ c :** 36CXD5 **Ñ m h̃ c :** 2012-2013 **q̃ VHT :** 2
(30,0,0,0,0,0)
H̃ n T : **H̃ c ph̃ n :** 122067100710 - Quy hõch t̃u t̃n h̃ **H̃ c k8 :** HK02

STT	Mã S	L P SV	H Vê TqN	NGÀY SINH	q IqM THê NH PHêN						TBC	QUY TS: 30.00%	q IqM THI	QUY TS : 70.00%	q IqM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3671030940	36CXD5	Nguy n Nhđ Nhê Khuê	30/01/1994				3.0			3.0	0.9	3.5	2.5	3.4	
21	3671031050	36CXD5	q inh Tuêh Linh	18/08/1994				4.5			4.5	1.4	1.5	1.1	2.4	
22	3671030976	36CXD5	Nguy n Duy Linh	06/06/1993				6.5			6.5	2.0	8.0	5.6	7.6	
23	3671032019	36CXD5	Nguy n Ng c Linh	24/10/1993				4.5			4.5	1.4	6.0	4.2	5.6	
24	3671030913	36CXD5	V» Ng c Linh	17/01/1994				5.5			5.5	1.7	7.0	4.9	6.6	
25	3671030906	36CXD5	H° Ng c Long	22/02/1991				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
26	3671030982	36CXD5	Nguy n Têh Long	12/04/1993				5.0			5.0	1.5	5.0	3.5	5.0	
27	3671031020	36CXD5	Thái Phi Long	27/06/1993				4.5			4.5	1.4	4.5	3.2	4.5	
28	3671030978	36CXD5	Nguy n Minh Luân	03/07/1994				4.5			4.5	1.4	1.0	0.7	2.1	
29	3671030937	36CXD5	Lê Minh M»n	20/12/1994				8.0			8.0	2.4	9.0	6.3	8.7	
30	3671030980	36CXD5	Phêh Vêh Nam	01/04/1992				2.5			2.5	0.8	5.0	3.5	4.3	
31	3671031955	36CXD5	Nguy n Qu c Nguyên	06/02/1992				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
32	3671031058	36CXD5	Hoàng Minh Phong	04/12/1994				6.5			6.5	2.0	7.5	5.3	7.2	
33	3671030924	36CXD5	Trêh Vêh Phúc	28/06/1994				6.0			6.0	1.8	3.0	2.1	3.9	
34	3671030951	36CXD5	Nguy n Ng c Phê c	16/03/1994				10.0			10.0	3.0	7.5	5.3	8.3	
35	3671031023	36CXD5	Tê i Têh	20/02/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N° HPCT
36	3671030927	36CXD5	Huêh Ng c Tâm	04/09/1994				7.0			7.0	2.1	9.5	6.7	8.8	
37	3671031064	36CXD5	Nguy n Ng c Têh	05/01/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N° HPCT
38	3671030955	36CXD5	Lê Anh Tuêh	09/06/1994				5.5			5.5	1.7	6.0	4.2	5.9	

Kh. a h c :	L p h c : 36CXD5	N l m h c : 2012-2013	n VHT : 2 (30,0,0,0,0,0)
H n T :	H c ph n : 122067100710 - Quy ho h t h t u y J n t n h	H c k 8 : HK02	

STT	Mã S	L, P SV	H, Vê TqN	NGÀY SINH	q IqM THê NH PHêN						TBC	QUY TS: 30.00%	q IqM THI	QUY TS : 70.00%	q IqM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3671031052	36CXD5	Nguy, n Ng c Tu	01/11/1994				2.0			2.0	0.6	2.0	1.4	2.0	
40	3671030970	36CXD5	V» DỈ ng Tu	07/08/1994				2.0			2.0	0.6	3.0	2.1	2.7	
41	3671031029	36CXD5	V» Vĩ t TuyJh	10/02/1994				5.5			5.5	1.7	5.5	3.9	5.5	
42	3671030986	36CXD5	Trfh Vln T	04/10/1992				4.0			4.0	1.2	3.0	2.1	3.3	
43	3671030052	36CXD5	Võ Trí Thành	10/10/1994				4.5			4.5	1.4	6.5	4.6	5.9	
44	3671031055	36CXD5	Hu8nh Tbi Thi	10/10/1994				5.5			5.5	1.7	5.5	3.9	5.5	
45	3671031083	36CXD5	Nguy, n Qu c Th nh	03/03/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
46	3671030973	36CXD5	Trfh Vln Thông	13/08/1994				9.3			9.3	2.8	7.0	4.9	7.7	
47	3671030968	36CXD5	L° Vln Th a	20/01/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
48	3671031046	36CXD5	Mai Hu8nh H u Trí	06/12/1993				8.0			8.0	2.4	2.8	2.0	4.4	
49	3671030921	36CXD5	Nguy, n Vln Tr ng	03/05/1994				3.0			3.0	0.9	8.0	5.6	6.5	
50	3671030947	36CXD5	H° NhE Ý	12/10/1993				3.0			3.0	0.9	1.0	0.7	1.6	

T'ng s' : 50 h' c sinh sinh vi' n

Tr.HCM, ngày / /

Trẻ ng Khoa

Gişo Vi^on B, M¹ n

Giáo V Khoa